

Đông Anh, ngày 07 tháng 3 năm 2022

Số: 34/2022/QĐST- KDTM

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 25 tháng 02 năm 2022 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 224/2021/TLST- KDTM ngày 21/10/2021.

XÉT THẤY

Việc thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 25/02/2022 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng NN.

Địa chỉ: Số 02 phố LH, phường TC, quận BD, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T3 - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Xuân L – Giám đốc Ngân hàng NN - Chi nhánh Đông Anh.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Lê Văn T4 – Trưởng phòng khách hàng Doanh nghiệp - Ngân hàng NN – Chi nhánh Đông Anh.

2. Bị đơn: Công ty F.

Địa chỉ trụ sở: Cụm công nghiệp cảng ĐP, xã TT, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thế H - Giám đốc Công ty.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Đỗ Hồng Đ, sinh năm 1976.

3.2. Bà Ngô Thanh T, sinh năm 1983 (Vợ ông Đ).

Hộ khẩu thường trú tại: Xóm T, xã UN, huyện ĐA, Hà Nội.

Nơi ở tại: Thôn HH, xã LH, huyện ĐA, Hà Nội.

3.3. Ông Phạm Văn T1, sinh năm 1980.

3.4. Bà Ngô Thanh T2, sinh năm 1981 (Vợ ông T1).

Hộ khẩu thường trú: Thôn HL, xã TL, huyện ĐA, Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đỗ Hồng Đ và bà Ngô Thanh T là bà Ngô Thanh T2, sinh năm 1981. Hộ khẩu thường trú: Thôn HL, xã TL, huyện ĐA, Hà Nội.

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về ký kết hợp đồng tín dụng:

Ngày 18/3/2020, Ngân hàng NN – Chi nhánh Đông Anh và Công ty F ký Hợp đồng tín dụng số 3140LAV202001257 với một số nội dung chính như sau:

- Hạn mức cấp tín dụng: 90.000.000.000 đồng (Chín mươi tỷ đồng).
- Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng.

Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động phục vụ phương án sản xuất kinh doanh.

- Phương thức áp dụng lãi suất: Áp dụng lãi suất cho vay có điều chỉnh định kỳ tối thiểu 03 tháng/lần phù hợp với quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ, cụ thể: Lãi suất cho vay bằng (=) Lãi suất cao nhất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau bằng đồng Việt Nam theo quy định hiện hành của Ngân hàng + (cộng) tỷ lệ nhất định.

- Mức lãi suất cho vay: 9%/năm. Lãi suất quá hạn: bằng (=) 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Ngày 20/04/2020, ngày 20/07/2020, Ngân hàng NN – Chi nhánh Đông Anh và Công ty F lần lượt ký các Phụ lục hợp đồng tín dụng sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 3140LAV202001257 ngày 18/3/2020.

2. Về số tiền nợ: Tính đến hết ngày 25/02/2021 Công ty F còn nợ Ngân hàng NN các khoản tiền gồm:

- Số nợ gốc: 55.322.710.000 đồng.

- Số nợ lãi trong hạn: 4.249.937.837 đồng.

- Số nợ lãi quá hạn: 11.834.644.282 đồng.

Tổng cả gốc và lãi là: **71.407.292.119 đồng (Bảy mươi một tỷ, bốn trăm linh bảy triệu, hai trăm chín mươi hai nghìn, một trăm mười chín đồng).**

3. Phương án trả nợ như sau: Công ty F có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng NN số tiền 71.407.292.119 đồng (Bảy mươi một tỷ, bốn trăm linh bảy triệu, hai trăm chín mươi hai nghìn, một trăm mười chín đồng) trong thời hạn 05 năm, cụ thể như sau:

- Năm 2022, Công ty F có nghĩa vụ trả Ngân hàng NN số tiền tối thiểu là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng): Từ tháng 3 đến tháng 11/2022, mỗi tháng trả tối thiểu 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Tháng 12/2022 trả 1.100.000.000 đồng (Một tỷ, một trăm triệu đồng). Tất cả trừ vào nợ gốc.

- Năm 2023, Công ty F có nghĩa vụ trả Ngân hàng NN số tiền tối thiểu là 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng): Từ tháng 01 đến tháng 11/2023, mỗi tháng trả tối thiểu 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Tháng 12/2023 trả 1.800.000.000 đồng (Một tỷ, tám trăm triệu đồng). Tất cả trừ vào nợ gốc.

- Năm 2024, Công ty F có nghĩa vụ trả Ngân hàng NN số tiền tối thiểu là 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng): Từ tháng 01 đến tháng 11/2024, mỗi tháng trả tối thiểu 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Tháng 12/2024 trả 1.700.000.000 đồng (Một tỷ, bảy trăm triệu đồng). Tất cả trừ vào nợ gốc.

- Năm 2025, Công ty F có nghĩa vụ trả Ngân hàng NN số tiền tối thiểu 7.000.000.000 đồng (Bảy tỷ đồng): Từ tháng 01 đến tháng 11/2025, mỗi tháng trả tối thiểu 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng). Tháng 12/2025 trả 1.500.000.000 đồng (Một tỷ, năm trăm triệu đồng). Tất cả trừ vào nợ gốc.

- Năm 2026, Công ty F có nghĩa vụ trả Ngân hàng NN số tiền gốc còn lại 37.322.710.000 đồng (Ba mươi bảy tỷ, ba trăm hai mươi hai triệu, bảy trăm mười nghìn đồng): Từ tháng 01 đến tháng 11/2026, mỗi tháng trả 500.000.000 đồng (Năm

trăm triệu đồng). Tháng 12/2026 trả 31.822.710.000 đồng (Ba mươi một tỷ, tám trăm hai mươi hai triệu, bảy trăm mười nghìn đồng), tất cả trừ vào nợ gốc. Tháng 12/2026 trả toàn bộ tiền lãi phát sinh tính đến hết ngày 25/02/2022 là 16.084.582.119 đồng (Mười sáu tỷ, không trăm tám mươi tư triệu, năm trăm tám mươi hai nghìn, một trăm mười chín đồng).

Công ty F phải tiếp tục chịu lãi phát sinh kể từ ngày 26/02/2022 theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 3140LAV202001257 ngày 18/3/2020 trên dư nợ gốc thực tế.

4. Về xử lý tài sản bảo đảm: Trong trường hợp Công ty F vi phạm bất kỳ kỳ trả nợ nào theo thỏa thuận trên thì các bên nhất trí để Ngân hàng NN có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm:

4.1. Tài sản thứ nhất: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 2(1), tờ bản đồ số 32, diện tích 120,4 m² có địa chỉ: Thôn Nguyên Khê, xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh, Hà Nội. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 593792 do Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh cấp ngày 13/12/2010 mang tên ông Phạm Văn Tùng.

Nghĩa vụ được đảm bảo: Đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ bao gồm: nợ gốc, lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn, các khoản phí và chi phí phát sinh khác liên quan (nếu có). Trong đó số tiền gốc là: 2.092.000.000 đồng.

4.2. Tài sản thứ 2: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 57A, tờ bản đồ số 40, diện tích 115,0 m² có địa chỉ: Thôn Cổ Dương, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, Hà Nội. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 550585 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 26/09/2017 mang tên ông Phạm Văn Tùng và bà Ngô Thanh Thủy.

Nghĩa vụ được đảm bảo: Đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ bao gồm: nợ gốc, lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn, các khoản phí và chi phí phát sinh khác liên quan (nếu có). Trong đó số tiền gốc là 4.371.000.000 đồng.

4.3. Tài sản thứ 3: 01 máy bả keo lên bề mặt ván ép (Máy bôi keo), đặt cố định:

- + Model: SWGH1300B.
- + Công suất: 21,5Kw.
- + Dừng điện: 380V.
- + Hàng tháo rời.
- + Do Jiangsu Suwei Machinery Co., LTD sản xuất năm 2020, mới 100%.
- + 01 Máy may tấm ván loại đặt cố định:
- + Ký hiệu: CXCT-4C2B
- + Công suất: 28 Kw
- + Dừng điện: 380V
- + Hàng tháo rời.
- + Do Changxing (Linyi) Wood Machinery Co., LTD sản xuất năm 2020.

Nghĩa vụ được đảm bảo: Đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ bao gồm: nợ gốc, lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn, các khoản phí và chi phí phát sinh khác liên quan (nếu có). Trong đó số tiền gốc là 2.142.260.000 đồng.

5. Trường hợp sau khi xử lý tài sản bảo đảm trong phạm vi nghĩa vụ được bảo đảm vẫn không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Công ty F phải tiếp tục chịu trách nhiệm trả số nợ còn lại cho Ngân hàng NN.

6. Về án phí kinh doanh thương mại: Tổng số tiền án phí là 89.704.000 đồng (Tám mươi chín triệu, bảy trăm linh bốn nghìn đồng) các bên thỏa thuận Công ty F chịu cả để sung vào ngân sách Nhà nước.

Ngân hàng NN được nhận lại 95.998.000 đồng (Chín mươi năm triệu, chín trăm chín mươi tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2020/0045629 ngày 21/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đông Anh.
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán

(Đã ký)

Đỗ Thị Vân